



HOÀN THIỆN QUẢN LÝ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH AN GIANG

ThS. TÔ THIÊN HIỂN*

Cùng với quá trình quản lý thu ngân sách nhà nước (NSNN) thì việc quản lý chi NSNN cũng có vị trí rất quan trọng trong quản lý, điều hành NSNN đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước. Việc sử dụng vốn NSNN, chi tiêu ngân sách một cách tiết kiệm, có hiệu quả là một bộ phận không thể tách rời của vấn đề nâng cao hiệu quả của nền sản xuất xã hội và tăng sản phẩm quốc dân. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện quản lý chi NSNN vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập trước tình hình thực tế của địa phương nói riêng và của đất nước nói chung. Vì vậy, việc quản lý chi NSNN tỉnh An Giang (AG), cần phải nghiên cứu và phân tích thận trọng về thực trạng, để từ đó tìm ra những giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chi NSNN ở địa phương trong thời gian tới được tốt hơn.

1. Khái quát về kinh tế - xã hội tỉnh AG và vai trò chi ngân sách cho phát triển kinh tế - xã hội

1.1 Khái quát về kinh tế - xã hội tỉnh AG

AG là tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, nằm về phía Tây Nam Tổ quốc, phía Tây Bắc giáp Campuchia. AG có thế mạnh về nông nghiệp, trong đó chủ yếu là cây lúa nước. Tỉnh AG đứng đầu cả nước về sản lượng lúa, là tỉnh đầu tiên vượt qua ngưỡng cửa trên 2 triệu tấn lương thực, đưa bình quân lương thực đầu người lên trên 1 tấn/năm. Việc thực hiện chuyển dịch từng bước cơ cấu trong nội bộ ngành đã phát triển thế mạnh thủy sản, đồng thời cơ cấu chung của toàn xã hội là cung dịch chuyển sang hướng nâng dần tỷ trọng công nghiệp và thương nghiệp dịch vụ. Tình hình xã hội ở địa phương luôn được ổn định và phát triển. Giáo dục - đào tạo phát triển mạnh về số

lượng và chất lượng, trình độ dân trí ngày càng được nâng lên (AG có trường đại học công lập từ năm 2000). Mạng lưới y tế phát triển mạnh ở cả tuyến y tế cơ sở như: đầu tư kinh phí, trang thiết bị và đội ngũ y - bác sĩ. Văn hóa - thể dục thể thao phát triển đáp ứng mọi tầng lớp dân cư, đời sống tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt.

1.2 Vai trò chi ngân sách cho phát triển kinh tế - xã hội

- Chi NSNN là nguồn lực tài chính nhằm đảm bảo và duy trì hoạt động bình thường của hệ thống chính quyền các cấp từ trung ương đến địa phương.

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản của NSNN, đặc biệt là chi xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, vì nó tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho việc bỏ vốn đầu tư của doanh nghiệp để hướng tới

NGHIÊN CỨU & TRAO ĐỔI

sự tăng trưởng.

- Trong trường hợp đặc biệt, chi NSNN trợ cấp cho một số doanh nghiệp cũng góp phần không nhỏ cho sự phát triển kinh tế, khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đảm bảo công bằng xã hội. Cơ chế thị trường đã tạo ra sự phân hóa giữa những người có thu nhập cao và những người có thu nhập thấp trong xã hội, do vậy, để làm giảm khoảng cách này thì Nhà nước phải sử dụng các hình thức trợ cấp từ NSNN. Bên cạnh các khoản trợ cấp cho giáo dục, y tế, các hình thức trợ cấp này có ý nghĩa rất lớn đối với việc nâng cao dân trí và đảm bảo sức khỏe cho dân cư.

- Thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế, kiềm chế lạm phát.

2. Thực trạng quản lý chi NSNN tỉnh AG

2.1 Kết quả chi NSNN tỉnh AG

Số liệu ở Bảng 1 trên cho thấy tổng quát về cơ

cấu chi đầu tư phát triển từ 2006-2009 cũng có biến động giảm và tăng, nhưng không lớn; tỷ trọng chi đầu tư phát triển trong tổng chi ngân sách địa phương (NSDP) AG từ năm 2006 đến 2009 bình quân khoảng 20,38%. Năm 2007 và 2008, do ảnh hưởng thủ tục chi đầu tư phát triển nên mức chi có giảm so với năm 2006. Tỉnh AG rất quan tâm đến chi đầu tư phát triển để nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Khoản chi thường xuyên nhìn chung về cơ cấu không có biến động lớn qua các năm, nhưng số chi năm sau thường lớn hơn năm trước thường là do nhu cầu phát sinh tăng; tỷ trọng chi cho hoạt động thường xuyên trong tổng chi NSDP bình quân chiếm khoảng 50,93%.

Tỷ trọng chi cho các hoạt động ngân sách khoa học công nghệ, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - thông tin, phát thanh - truyền hình nói chung còn thấp; chưa điều chỉnh tỷ trọng theo xu hướng phát triển qua các năm.

Bảng 1. Chi NSDP tỉnh AG từ 2006 đến 2009

ĐVT: Triệu đồng

NỘI DUNG	2006	Tỷ trọng (%)	2007	Tỷ trọng (%)	2008	Tỷ trọng (%)	2009	Tỷ trọng (%)
Tổng chi NSDP (A+B)	2.993.294	100	3.696.253	100	4.692.667	100	5.150.562	100
A. Chi cân đối ngân sách (I+...+V)	2.738.015	91,47	3.097.077	83,79	3.778.414	80,52	4.136.966	80,30
I. Chi đầu tư phát triển	801.006	26,76	716.493	19,38	731.083	15,58	1.018.354	19,79
II. Chi thường xuyên	1.507.531	50,36	1.877.241	50,79	2.274.248	48,46	2.789.042	54,11
1. Chi trợ giá	2.500	0,08	0	0,00	3.470	0,07	12.833	0,25
2. Chi sự nghiệp kinh tế	73.756	2,46	90.828	2,46	116.474	2,48	167.003	3,25
3. Chi ngân sách văn xã	877.933	29,33	1.139.274	30,82	1.368.636	29,17	1.744.629	33,90
4. Chi quản lý hành chính	328.343	10,97	386.110	10,45	427.215	9,10	523.060	10,16
5. Chi an ninh, quốc phòng địa phương	87.587	2,93	91.759	2,48	125.291	2,67	151.583	2,95
6. Chi ngân sách hoạt động môi trường	18.586	0,62	21.475	0,58	28.858	0,61	34.033	0,66
7. Các khoản chi khác	85.244	2,85	76.538	2,07	133.570	2,85	155.899	2,94
8. Chi ngân sách các chương trình mục tiêu	33.582	1,12	71.257	1,93	70.734	1,51	0	0,00
III. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.100	0,07	1.170	0,03	1.170	0,02	1.170	0,02
IV. Chi trả nợ vay tồn nền cụm tuyến dân cư	18.450	0,62	25.075	0,68	128.334	2,73	105.900	2,06
V. Chi chuyển nguồn sang năm sau	408.928	13,66	477.098	12,91	643.579	13,71	222.500	4,32
B. Chi từ nguồn thu để lại	255.279	8,53	599.176	16,21	914.253	19,48	1.013.598	19,70

Nguồn: Sở Tài chính AG

NGHIÊN CỨU & TRAO ĐỔI

Chi cho cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể, an ninh, quốc phòng còn chiếm tỷ trọng lớn và chưa phù hợp với xu hướng phát triển. Vì vậy, cần phải xem xét và điều chỉnh cơ cấu chi cho phù hợp với xu hướng phát triển. Cần quan tâm đến chi hoạt động sự nghiệp nhằm tạo ra tiền đề phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ dân trí, thu hút và phát triển nhân tài.

Năm 2006: Số kết dư ngân sách huyện, xã được chuyển nộp vào ngân sách năm sau để sử dụng tiếp. Riêng số kết dư ngân sách tỉnh 159 triệu đồng thì được trích 50% (79,5 triệu đồng) chuyển vào Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh, số còn lại chuyển nộp vào ngân sách tỉnh năm sau (năm 2007). Các năm 2007, 2008 và 2009 thực hiện xử lý kết dư ngân sách tỉnh như năm 2006.

Bảng 2. So sánh thực hiện chi với dự toán chi NSDP AG 2006-2009

ĐVT: Triệu đồng

	2006	2007	2008	2009
Dự toán chi NSDP	2.360.969	2.821.600	3.001.257	3.945.963
Thực hiện chi NSDP	2.993.294	3.696.253	4.692.667	5.150.562
TH/DT (%)	126,8	131,0	156,4	130,5

Nguồn: Sở Tài chính AG

Từ năm 2006 đến 2009, kết quả thực hiện chi NSDP vượt dự toán năm là do Trung ương bổ sung ngoài dự toán để hỗ trợ thực hiện như: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương; kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội; kinh phí phòng chống dịch sốt xuất huyết, phòng chống dịch bệnh trên lúa, phòng chống dịch cúm gia cầm; kinh phí thực hiện nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kinh phí di dân ra khỏi vùng lũ quét và sạt lở đất, xử lý đê kè phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai; kinh phí an ninh - quốc phòng địa phương... Ngoài ra còn có khoản chi khá lớn đó là khoản chi chuyển nguồn sang năm sau của NSDP.

2.2 Công tác tổ chức quản lý dự toán chi NSNN

Việc lập, phân bổ, quyết định giao dự toán chi NSNN ở địa phương phần lớn là do Sở Tài chính kết hợp với Sở Kế hoạch & Đầu tư làm tham mưu cho Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh, trình Hội đồng Nhân dân (HĐND) tỉnh quyết định dự toán và phương án phân bổ ngân sách và mức bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới. Điều này mang tính tập trung nhưng dễ rơi vào tình trạng chủ quan của cơ quan tham mưu.

Cơ quan tài chính các cấp ở địa phương kiểm tra Nghị quyết về dự toán ngân sách của HĐND

Bảng 3. Kết quả thu, chi và xử lý kết dư NSDP tỉnh AG 2006-2009

ĐVT: Triệu đồng

	2006	2007	2008	2009
Tổng thu NSDP	3.097.885	3.820.670	4.792.734	5.615.773
<i>Trong đó: Thu bổ sung từ NSTU</i>	<i>202.609</i>	<i>492.643</i>	<i>517.384</i>	<i>1.474.795</i>
Tổng chi NSDP	2.993.294	3.696.253	4.692.667	5.150.562
Kết dư NSDP	104.591	124.417	100.067	465.211
- Kết dư ngân sách tỉnh	159	340	466	346.121
- Kết dư ngân sách huyện	46.499	56.36	55.734	77.799
- Kết dư ngân sách xã	57.933	67.717	43.867	41.291

Nguồn: Sở Tài chính AG

cấp dưới, trong trường hợp cần thiết thì báo cáo với UBND cùng cấp yêu cầu HĐND cấp dưới điều chỉnh lại dự toán ngân sách theo trình tự thủ tục quy định.

2.3 Công tác tổ chức quản lý chấp hành chi NSNN

Căn cứ vào dự toán được duyệt cho các cấp NSDP, cơ quan tài chính các cấp phải chủ động tổ chức và điều hành việc chấp hành dự toán được duyệt của cấp mình quản lý, thực hiện các chỉ tiêu ngân sách được duyệt theo dự toán và nghị quyết của HĐND các cấp địa phương thông qua các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cấp trên và địa phương quy định hiện hành. Kiểm soát chi NSNN qua Kho bạc nhà nước (KBNN): Căn cứ vào dự toán chi của đơn vị được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc dự toán chi do đơn vị lập để kiểm soát chi bảo đảm thuận lợi cho đơn vị.

2.4 Công tác quyết toán chi NSNN

Quyết toán chi NSNN của từng cấp ngân sách ở AG nói chung đã đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, kiểm toán, báo cáo kế toán, quyết toán NSDP theo luật định. Ngành tài chính AG đã tin học hóa công tác kế toán đến cấp xã. Tuy nhiên cũng còn hạn chế do hệ thống báo cáo mạng chưa hoàn chỉnh, công việc thực hiện đôi lúc phải dùng bằng thủ công và vừa dùng trên máy.

Việc thực hiện trình tự phê duyệt tổng quyết toán chi NSDP được tiến hành khá tốt theo luật định. Việc chỉnh lý quyết toán ngân sách đảm bảo số liệu báo cáo quyết toán chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời. Báo cáo quyết toán ngân sách các cấp được HĐND các cấp có thẩm quyền phê chuẩn và gửi báo cáo quyết toán NSNN hàng năm cho các cơ quan thẩm quyền theo luật định.

2.5 Kiểm tra, thanh tra, khen thưởng và xử lý vi phạm trong quản lý chi NSNN

Việc kiểm tra, thanh tra “từ trước khi chi cho đến sau khi chi” cũng được cơ quan tài chính và kho bạc kiểm tra, xét duyệt một cách nghiêm ngặt theo định mức, quy định hiện hành. Còn các cơ quan chức năng khác thì lịch thanh tra, kiểm tra có kế hoạch riêng. Điều này làm cho nhiều đơn vị trong năm có nhiều cơ quan đến thanh tra, kiểm tra, mà mỗi cơ quan lại có nhiều kết luận khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Đôi khi công tác

kiểm tra, thanh tra còn làm phiền hà, ách tắc công việc của đơn vị. Hiệu quả của công tác kiểm tra, thanh tra đôi khi vẫn còn chưa cao.

Công tác khen thưởng ở AG trong quản lý chi NSNN thường quan tâm đối với cơ quan tài chính và kho bạc các cấp, chưa quan tâm nhiều đến các đơn vị trực tiếp thụ hưởng NSNN đã sử dụng tiết kiệm kinh phí nhà nước, đạt hiệu quả cao trong chi tiêu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ... coi như đó là nhiệm vụ chấp hành NSNN của đơn vị, nên thiếu tính động viên, không khuyến khích đơn vị trong quản lý chi NSNN.

3. Đánh giá quản lý chi NSNN tỉnh AG

Trong quá trình hoạt động, NSNN tỉnh AG đã đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế địa phương trên nhiều phương diện:

- Góp phần ổn định mức động viên nguồn thu vào NSNN mỗi năm đều tăng, bảo đảm các chỉ tiêu tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Chi NSNN từng bước được cơ cấu lại theo hướng xóa bỏ bao cấp, thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tăng chi đầu tư xã hội, cơ sở hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực, xóa đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp - nông thôn, bảo vệ môi trường, củng cố an ninh - quốc phòng. Nâng cao năng lực quản lý đảm bảo chi ngân sách ngày càng tiết kiệm và hiệu quả cao.

- Phát huy tính năng động sáng tạo của các cấp chính quyền, nhất là đối với ngân sách và chính quyền cấp xã. Địa phương chủ động khai thác nguồn thu để tăng thu cho NSDP, các cấp chính quyền ngày càng chăm lo hơn các nguồn thu từ các loại thuế, phí, lệ phí nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ và nguồn thu chung của NSNN.

- Đưa chu trình quản lý NSNN vào nề nếp sau khi luật NSNN có hiệu lực; công tác lập, chấp hành và quyết toán ngân sách đã được địa phương chấp hành nghiêm túc.

Bên cạnh những thành công đó, chi NSDP vẫn còn những mặt hạn chế:

- Việc phân cấp quản lý chi NSNN cho các cấp ở địa phương chưa xứng tầm với khả năng và điều kiện cụ thể của địa phương, còn tập trung quản lý nhiều ở ngân sách cấp tỉnh, chưa phát huy tốt tính

năng sáng tạo, tự chủ và tính chịu trách nhiệm của từng địa phương.

- Việc lập, quyết định, phân bổ giao dự toán chi NSNN ở địa phương phần lớn là do Sở Tài chính, Sở Kế hoạch & Đầu tư làm tham mưu. Điều này dễ dẫn đến tình trạng chủ quan của cơ quan tham mưu.

Những hạn chế đó có thể do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Trong quyết toán chi NSNN của từng cấp cũng còn hạn chế do đội ngũ làm công tác chuyên môn tài chính, nhất cán bộ cấp xã còn khoảng 10% chưa có chuyên môn theo quy định, một phần là cán bộ xã thường thay đổi theo nhiệm kỳ của HĐND xã.

- Việc kiểm tra, thanh tra trong khi chi NSNN được cơ quan tài chính và KBNN kiểm tra, xét duyệt khá nghiêm ngặt, quá quan tâm tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ nhưng ít quan tâm đến hiệu quả đến việc chi tiêu.

- Công tác xử lý vi phạm trong việc quản lý NSNN đôi khi chưa minh bạch, chưa công bằng, còn chủ quan làm cho đơn vị bị xử lý không tôn trọng kết quả xử lý vi phạm.

4. Những giải pháp hoàn thiện quản lý chi NSNN tỉnh AG

Một là, hoàn thiện phân cấp quản lý chi NSNN. Điều chỉnh phân cấp NSNN phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của Nhà nước và năng lực quản lý của mỗi cấp trên địa bàn. Đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTU và vị trí độc lập của NSDP trong hệ thống NSNN. Đảm bảo nguyên tắc công bằng trong phân cấp NSNN. Phân định rõ ràng nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách phải có căn cứ thực tiễn và có hiệu quả. Chủ động cân đối ngân sách các cấp ở địa phương trong quá trình thực hiện quản lý NSNN, đẩy nhanh quá trình phát triển, tránh lãng phí nguồn lực, chậm mang lại hiệu quả.

Hai là, hoàn thiện cơ cấu chi ngân sách hợp lý. Xây dựng cơ cấu hợp lý về chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên: Trong thời gian trước mắt, nên giảm tỷ trọng chi cho đầu tư phát triển ở mức 15%-17% trong tổng chi, tăng tỷ trọng chi cho thường xuyên ở mức 55%-60% trong tổng chi, nhất

là chi cho hoạt động sự nghiệp giáo dục - đào tạo nhằm tạo điều kiện nâng cao trình độ dân trí của tỉnh AG và phát triển nguồn nhân lực phục vụ tốt cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ba là, đổi mới công tác lập và quyết định dự toán chi NSNN. Hoàn thiện quy trình lập dự toán ngân sách: Phải đảm bảo yêu cầu, căn cứ lập dự toán theo Luật định, thực hiện đầy đủ đúng trình tự xây dựng dự toán, quyết định, phân bổ, giao dự toán NSNN. Xây dựng định mức chuẩn mực làm cơ sở cho việc lập dự toán và xét duyệt dự toán: Phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Đổi mới về quyết định dự toán chi ngân sách: Phải dựa vào các chuẩn mực khoa học đã được xác định, nhằm đảm bảo cho dự toán chi NSNN được duyệt phù hợp với khả năng cân đối NSDP.

Bốn là, hoàn thiện quá trình chấp hành chi NSNN. Đặc biệt coi trọng khâu chấp hành dự toán chi dựa trên cơ sở xem xét từng dự toán được duyệt có nhu cầu chi theo yêu cầu thực tế dự kiến của năm kế hoạch để điều chỉnh tăng, giảm chi ở các quý, tháng cho phù hợp với tình hình thực tế của năm kế hoạch. Chấp hành dự toán chi NSNN qua các hình thức cấp phát kinh phí: Có sự kết hợp giữa cơ quan tài chính các cấp đảm bảo ngân sách cấp trên quan tâm hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho ngân sách cấp dưới. Ngược lại, ngân sách cấp dưới phải chấp hành theo hướng dẫn, chỉ đạo của ngân sách cấp trên và thông tin kịp thời cho ngân sách cấp trên. Kiểm soát chi NSNN qua KBNN: Phải chú trọng kiểm soát tính cơ bản, trọng yếu các hồ sơ, chứng từ, thủ tục, trình tự chi đầu tư phát triển nói chung và chi xây dựng cơ bản nói riêng, kể cả khoản chi thường xuyên.

Năm là, hoàn thiện công tác kế toán, quyết toán NSNN.

Hoàn thiện công tác kế toán: Tiếp tục chuẩn hóa đội ngũ kế toán tài chính các cấp, phải có trình độ chuyên môn theo quy định. Tiếp tục hoàn thiện chương trình kế toán chuyển giao của Bộ Tài chính và kết nối thông suốt và vận hành mạng nội bộ của ngành.

Công tác quyết toán NSNN: Phải thực sự quan tâm khâu phân tích số liệu, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương,

tình hình thực hiện Nghị quyết HĐND các cấp và rút ra những bài học kinh nghiệm phục vụ cho việc quản lý và điều hành chi NSNN ở địa phương cho những năm tiếp theo.

Sáu là, đổi mới công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán trong quản lý chi NSNN. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc lập dự toán thu, chi NSNN, trong đó cần quan tâm 2 khâu trọng yếu: Khâu hướng dẫn và số thông báo kiểm tra về dự toán ngân sách phải thật cụ thể; và khâu xét duyệt dự toán phải thực sự thận trọng, khách quan, thậm chí phải trao đổi, thảo luận với đơn vị để làm sáng tỏ các nhu cầu trong dự toán, phục vụ tốt cho việc xét duyệt dự toán cho đơn vị thụ hưởng NSNN. Cơ quan tài chính, KBNN phải quan tâm kiểm tra theo dự toán được duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức hiện hành, tính hợp pháp, hợp lệ các chứng từ... đặc biệt quan tâm đến hiệu quả việc chi tiêu NSNN.

5. Kết luận

Việc quản lý NSNN tỉnh AG cần được hoàn thiện trên cơ sở phân tích thực trạng về quản lý chi NSNN trong những năm gần đây (2006-2009), nhằm mục tiêu là đưa ra những giải pháp tích cực nâng cao hiệu quả quản lý chi NSNN tỉnh AG trong giai đoạn tới, nâng cao hiệu quả quá trình phân phối và sử dụng quỹ ngân sách của Nhà nước cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Những giải pháp nêu trên hy vọng sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý chi NSNN ở AG trong thời gian tới, phục vụ cho việc quản lý, điều hành NSNN ở AG được tốt hơn, chặt chẽ và hiệu quả hơn, góp phần thực hiện thành công quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước, phấn đấu vì mục tiêu: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2003), *Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện*, NXB Tài chính, Hà Nội.
2. Sở Tài chính AG, *Báo cáo quyết toán NSNN tỉnh AG 2006-2009*.
3. TS. Lâm Chí Dũng (2008), *Nghiệp vụ KBNN*, NXB Tài chính, Hà Nội.
4. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hùng (2006), *Quản lý NSNN*, NXB Thống kê, Hà Nội.

CÁC CHỦ ĐỀ NĂM 2011 TẠP CHÍ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Tháng 1: Phát triển và tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2011.

Tháng 2: Cải cách thể chế và các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô

Tháng 3: Phát triển kinh tế tư nhân – một bộ phận cấu thành trong phát triển kinh tế Việt Nam

Tháng 4: Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Tháng 5: Đầu tư công và tái cấu trúc khu vực kinh tế nhà nước

Tháng 6: Phát triển nguồn nhân lực và kinh tế vùng ở Việt Nam

Tháng 7: Kinh tế môi trường và biến đổi khí hậu ở Việt Nam

Tháng 8: Công nghiệp hóa nông nghiệp và hiện đại hóa nông thôn.

Tháng 9: Thị trường tài chính và thị trường bất động sản Việt Nam

Tháng 10: Tự do hóa thương mại và cán cân thương mại của Việt Nam

Tháng 11: Hệ thống kế toán Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế

Tháng 12: Thu hút nguồn vốn nước ngoài cho phát triển kinh tế Việt Nam nhìn từ góc độ hiệu quả kinh tế - xã hội